

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 949/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Bà Lê Thị X, sinh năm 1978

Thường trú: Đường H, tổ N, khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: Đường B, khu phố H, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Phan Văn T, sinh năm 1980

Thường trú: Đường H, tổ N, khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2021, người yêu cầu đã tự nguyện thỏa thuận như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị X và ông Phan Văn T thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 123, đăng ký ngày 26/11/2004 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A (nay là thị xã A), tỉnh Bình Định).

- Về con chung: Bà Lê Thị X và ông Phan Văn T có 02 con chung tên Phan Lê Nguyên K1, sinh ngày 11/12/2005 và Phan Lê Nguyên K2, sinh ngày 04/6/2005.

Hai bên thống nhất thỏa thuận bà Lê Thị X trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Phan Lê Nguyên K1 và Phan Lê Nguyên K2.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị X không yêu cầu ông Phan Văn T cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

- Về lệ phí: Bà Lê Thị X và ông Phan Văn T phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[3] Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị X và ông Phan Văn T thuận tình ly hôn.

1.2 Về con chung: Bà Lê Thị X và ông Phan Văn T có 02 con chung tên Phan Lê Nguyên K1, sinh ngày 11/12/2005 và Phan Lê Nguyên K2, sinh ngày 04/6/2005.

Hai bên thống nhất thỏa thuận bà Lê Thị X trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Phan Lê Nguyên K1 và Phan Lê Nguyên K2.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị X không yêu cầu ông Phan Văn T cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

1.4 Về lệ phí: Bà Lê Thị X và ông Phan Văn T phải chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0057740 ngày 25/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức (nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Thị X và ông Phan Văn T đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Người yêu cầu;
- CQ thực hiện việc ĐKKH;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN**Nguyễn Thị Phương Châu**